

MUA

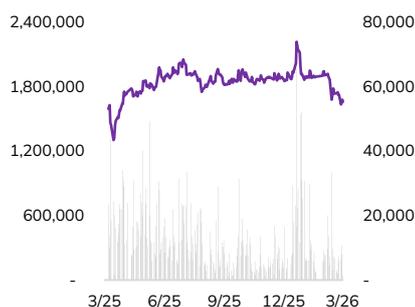
Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Vật liệu Xây dựng
Ngày báo cáo	: 27/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 55.500
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 64.400
Tỷ lệ tăng (%)	: 16,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 9.458
SLCPLH (CP)	: 171.038.220

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	35,2%	3,0%
Tăng trưởng LNST (%)	31,5%	-6,3%
Biên LNG (%)	32,8%	31,8%
Biên LNST (%)	11,9%	10,8%
ROA (%)	12,4%	14,8%
ROE (%)	21,7%	25,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,40	0,28
EPS (VND/CP)	1.519	1.186
BVPS (VND/CP)	25.723	24.742

Nguồn: NTP, ABS Research

Hàng tồn kho lớn hỗ trợ biên lợi nhuận khi giá PVC tăng mạnh

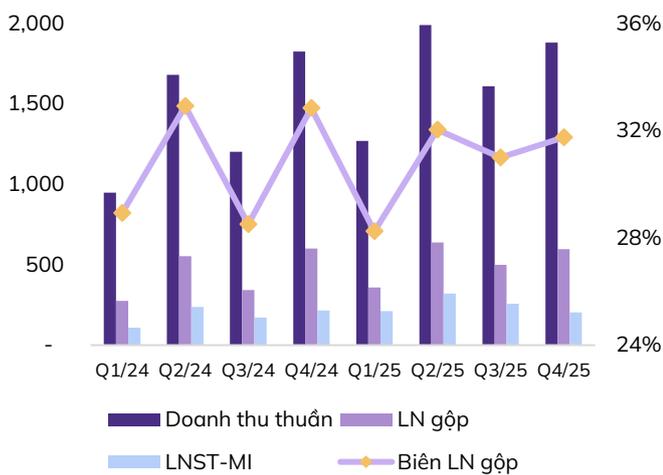
- KQKD Q4/2025 giảm so với nền cao cùng kỳ nhưng vẫn ở mức tốt.**
 - Trong Q4/2025, doanh thu thuần của NTP đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (+3% svck và +16% QoQ) nhờ sản lượng tiêu thụ tăng tích cực so với Q4/2024, đạt gần 37 nghìn tấn (+7% scvk). Biên lợi nhuận gộp ở mức 31,8% giảm 1 điểm % svck khi giá bán ở mức hấp dẫn hơn svck trong bối cảnh giá NVL đầu vào vẫn ở mức thấp. Theo đó, lợi nhuận gộp Q4/2025 đạt 597 tỷ đồng (đi ngang so với Q4/2024).
 - Doanh thu tài chính tăng mạnh svck, đạt 43 tỷ đồng (+40% svck) nhờ lãi tiền gửi và cho vay tăng mạnh. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm nhẹ svck về mức 56 tỷ đồng (-3% svck) do chiết khấu thanh toán giảm trong quý.
 - Chi phí QLDN tăng mạnh trong quý lên mức 98 tỷ đồng (+27% svck) khi chi phí lương thưởng nhân viên và chi phí quản lý gia tăng. Chi phí bán hàng và QLDN cũng tăng mạnh so với Q3/2025. Bên cạnh đó, chi phí khác Q4/2025 cũng tăng lên hơn 10 tỷ đồng (gấp 5,5 lần svck).
 - Như vậy, lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ của NTP Q4/2025 đạt 203 tỷ đồng, giảm 6% so với Q4/2024 và giảm 21% so với Q3/2025.
- KQKD năm 2025 ghi nhận mức cao nhất trong lịch sử.**
 - Doanh thu năm 2025 của NTP đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (+19% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 993 tỷ đồng (+35% svck), lần lượt vượt 16% và 40% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2025. Đây là mức doanh thu và lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của doanh nghiệp.
 - Sản lượng ống nhựa tiêu thụ năm 2025 của NTP đạt 133,8 nghìn tấn (+23% svck) nhờ (i) thị trường BĐS tiếp tục tăng trưởng giúp mảng xây dựng – đặc biệt xây dựng dân dụng tích cực, (ii) hoạt động giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh và (iii) duy trì chính sách chiết khấu để hỗ trợ gia tăng thị phần (tăng từ 32,2% lên hơn 35% toàn ngành), thúc đẩy sản lượng tiêu thụ.
 - Biên lợi nhuận gộp năm 2025 duy trì ở mức cao 31% (đi ngang so với năm 2024) chủ yếu nhờ giá nguyên vật liệu đầu vào PVC duy trì đà giảm, trung bình cả năm ở mức gần 700 USD/tấn (-14% svck). Nguyên nhân đến từ sản lượng tồn kho PVC thương mại ở Trung Quốc ở mức cao, công suất liên tục được mở rộng trong khi nhu cầu tiêu thụ hạn chế bởi thị trường BĐS ảm đạm.
 - Doanh thu tài chính tăng mạnh lên mức 168 tỷ đồng (+83% svck), chủ yếu đến từ khoản lãi tiền gửi và cho vay gần 162 tỷ đồng, gấp 2 lần svck do lượng tiền gửi trung bình năm 2025 tăng 46% so với năm 2024. Chi phí BH và QLDN dù tăng về số tuyệt đối nhưng tỷ lệ chi phí/giá vốn giảm so với năm 2024 giúp cải thiện biên lợi nhuận thuần.
 - Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết (phần lớn hoạt động trong ngành nhựa) cũng tăng mạnh lên mức 44 tỷ đồng (gấp 2 lần svck). Theo đó, lợi nhuận ròng NTP tăng mạnh trong năm 2025.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 VÀ NĂM 2025

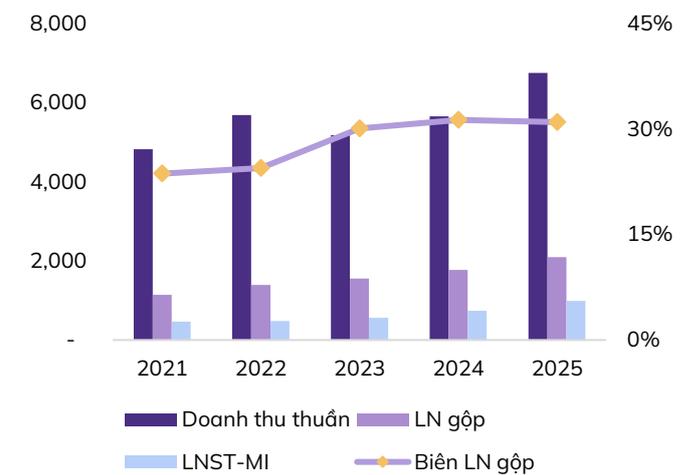
Chỉ tiêu	4Q2024	4Q2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	1.826	1.881	3,0%	5.657	6.751	19,3%
Lợi nhuận gộp	600	597	-0,4%	1.770	2.093	18,2%
Biên LN gộp (%)	32,8%	31,8%		31,3%	31,0%	
Chi phí BH & QLDN	(319)	(329)	3,1%	(860)	(935)	8,7%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	17,5%	17,5%		15,2%	13,9%	
Doanh thu tài chính	31	43	39,8%	92	168	83,0%
Chi phí tài chính	(58)	(56)	-3,1%	(139)	(168)	20,8%
Chi phí lãi vay	(12)	(20)	63,0%	(49)	(80)	64,1%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	262	257	-2,1%	885	1.201	35,7%
Lợi nhuận trước thuế	264	247	-6,5%	888	1.196	34,6%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	217	203	-6,3%	736	993	35,0%
Biên LN ròng (%)	11,9%	10,8%		13,0%	14,7%	

Nguồn: NTP, ABS Research

KQKD theo quý của NTP (tỷ VND)

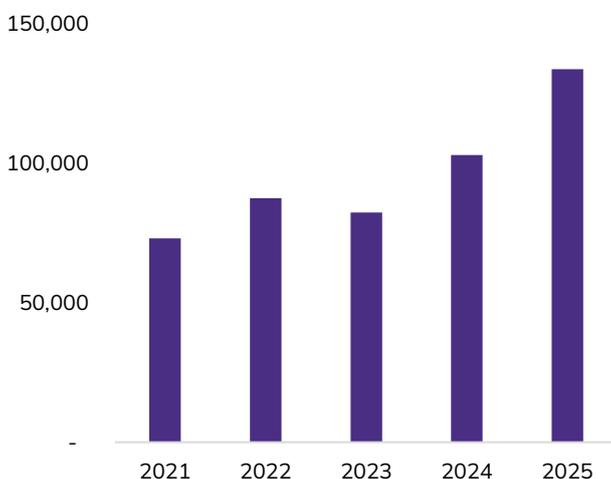


KQKD giai đoạn 2021 – 2025 của NTP (tỷ VND)

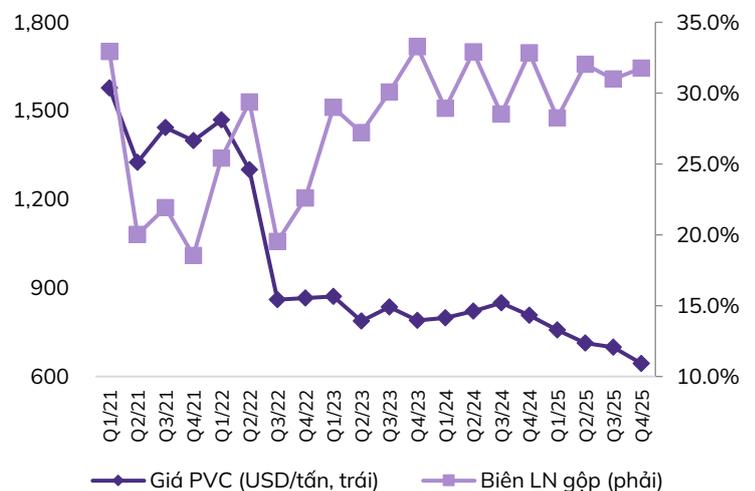


Nguồn: NTP, ABS Research

Sản lượng tiêu thụ (tấn)



Biên lợi nhuận gộp NTP so với giá nhựa PVC đầu vào

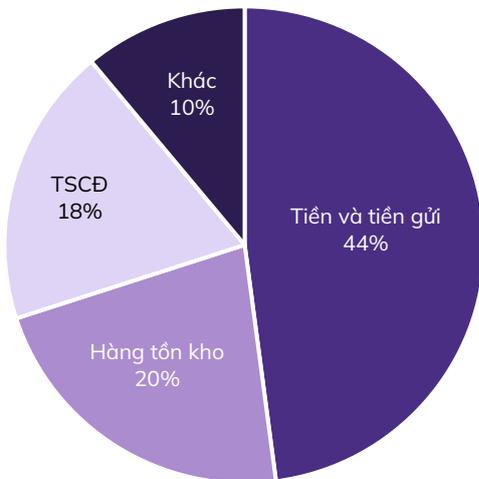


Nguồn: Bloomberg, NTP, ABS Research

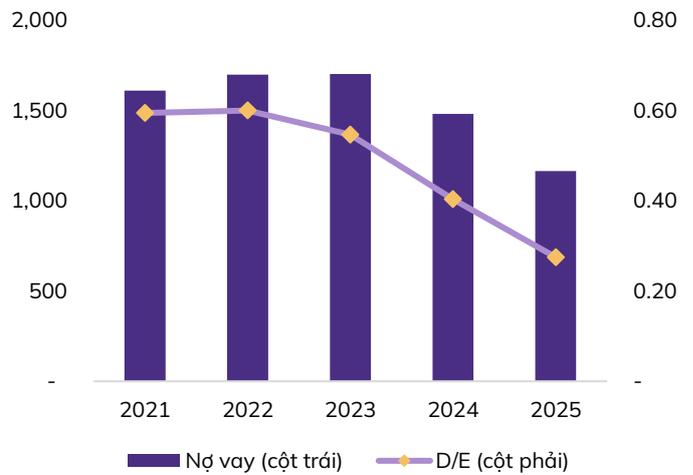
- **Tình hình tài chính lành mạnh.**

- **Lượng tiền duy trì ở mức cao.** Tại thời điểm cuối năm 2025, lượng tiền của NTP (bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) ở mức 3,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 44% tổng tài sản, tăng 3,3% so với thời điểm cuối năm 2024) nhờ hoạt động kinh doanh tích cực, quản lý tốt các khoản công nợ. Lượng tiền của NTP bắt đầu tăng mạnh từ năm 2023 trở lại đây bên cạnh sự hỗ trợ của hoạt động kinh doanh ổn định, doanh nghiệp cũng đã giảm các khoản phải thu khác lớn tại một số công ty thương mại như Đầu tư Hồng Phước, Thái Hòa, ... cùng với giảm tỷ lệ dự trữ HTK khi giá PVC ở mức thấp. Nhờ lượng tiền cao và tình hình tài chính lành mạnh, doanh nghiệp cũng duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt ổn định từ 20-25% đều đặn qua các năm.
- **Hàng tồn kho tăng mạnh.** Giá trị hàng tồn kho (HTK) tại 31/12/2025 ở mức 1,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 20% tổng tài sản), tăng mạnh 43% so với cuối năm 2024. HTK của NTP sau giai đoạn giữ ở mức vừa phải trong năm 2023 – 2024 đã tăng mạnh trong nửa cuối năm 2025, tập trung chính vào dự trữ nguyên vật liệu (NVL). Chúng tôi cho rằng, điều này thể hiện chiến lược của doanh nghiệp khi gia tăng tích lũy NVL (khi giá PVC duy trì ở mức thấp) để (i) phục vụ nhu cầu dự kiến tiếp tục tăng thời gian tới cũng như (ii) dự báo biến động giá PVC có thể tăng trong năm 2026 do chính sách bãi bỏ hoàn thuế GTGT xuất khẩu (13%) với nhựa PVC từ 01/04/2026. Tỷ lệ HTK trong tổng tài sản của NTP thường cao hơn, trong khi hệ số quay vòng HTK của NTP cũng thường thấp hơn một số doanh nghiệp trong ngành như BMP hay AAA.
- **Nợ vay tiếp tục ở mức thấp, không phát sinh nợ vay dài hạn.** Giá trị nợ vay tại cuối năm 2025 ở mức 1,2 nghìn tỷ đồng, toàn bộ là vay ngắn hạn, giảm mạnh 21% so với cuối năm 2024. Hệ số D/E ở mức 0,28 lần (giảm so với 0,4 lần năm 2024). Tổng giá trị nợ phải trả là 501 tỷ đồng (chiếm 15% tổng tài sản).

Cơ cấu tài sản của NTP tại 31/12/2025 (tỷ VND)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của NTP (tỷ VND)



Nguồn: NTP, ABS Research

Triển vọng và Định giá

- Chúng tôi nhận định triển vọng của NTP tiếp tục tích cực dựa trên các yếu tố:
 - **Sản lượng ống nhựa tiêu thụ tiếp tục tăng trưởng.** Chúng tôi cho rằng sản lượng tiêu thụ ống nhựa vẫn ở trạng thái tích cực trong giai đoạn 2026 – 2027 nhờ sự hỗ trợ của cả 2 mảng (i) dân dụng và (ii) hạ tầng. Đối với mảng dân dụng, nguồn cung BĐS dự kiến tiếp tục gia tăng từ các dự án nhà ở thương mại và nhà ở xã hội sẽ thúc đẩy tăng trưởng ngành xây dựng dân dụng, theo đó giúp gia tăng tiêu thụ VLXD. Đối với mảng hạ tầng, chủ trương phát triển hạ tầng vẫn tiếp tục được chú trọng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới 2026 – 2030 với nhiều công trình trên khắp cả nước. Giá trị người mua trả tiền trước cuối năm 2025 của NTP cũng tăng mạnh lên gần 40% so với cuối năm 2024 hứa hẹn sản lượng ống nhựa tiêu thụ tiếp tục tích cực trong năm 2026. NTP nắm giữ vị thế hàng đầu trong ngành nhựa với quy mô và số lượng sản phẩm lớn, dẫn đầu thị phần toàn quốc (chiếm khoảng hơn 30%), đặc biệt tại miền Bắc (chiếm hơn 60%), sẽ tiếp tục thúc đẩy sản lượng bán hàng trong bối cảnh thuận lợi của ngành xây dựng.
 - **Lượng tồn kho nguyên vật liệu gia tăng cuối năm 2025 hỗ trợ biên lợi nhuận năm 2026.** Thời gian gần đây, sau khi cuộc chiến giữa Mỹ, Israel và Iran nổ ra, giá dầu thế giới đã tăng mạnh kéo theo đà tăng của giá hạt nhựa PVC (ước tính tăng khoảng 30% so với thời điểm đầu năm). Bên cạnh đó, trong tháng 1/2026, Trung Quốc đã quyết định bãi bỏ hoàn toàn thuế xuất khẩu 13% đối với PVC, có hiệu lực từ 01/04/2026 – đây cũng là yếu tố góp phần làm tăng giá hạt nhựa PVC. Giá PVC tăng sẽ làm giảm biên lợi nhuận của ngành nhựa xây dựng. Tuy nhiên đối với NTP, chúng tôi cho rằng với việc doanh nghiệp đã chủ động tích lũy lượng nguyên vật liệu giá rẻ trong nửa cuối năm 2026 theo ước tính của chúng tôi có thể phục vụ nhu cầu sản xuất từ 3-4 tháng, góp phần hỗ trợ biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2026.
 - **Duy trì tình hình tài chính lành mạnh.** NTP duy trì tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền cao (chiếm trên 40% tổng tài sản) từ hoạt động kinh doanh ổn định, nợ vay ở mức thấp (toàn bộ là vay ngắn hạn). Doanh nghiệp cũng duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt ổn định từ 10-20% trong nhiều năm gần đây và dự kiến sẽ tiếp tục trong thời gian tới nhờ dòng tiền đều đặn từ hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của NTP đạt 1.020 tỷ đồng (+3% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 5.965 đ/cp và 28.207 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 9,1x và 1,9x lần tại mức giá giao dịch hiện tại; ROE dự kiến đạt 22,5%.
- NTP sở hữu vị thế là doanh nghiệp đầu ngành nhựa xây dựng, với khả năng sinh lời mạnh mẽ, dòng tiền lành mạnh với tỷ lệ chi trả cổ tức ổn định. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu NTP với giá mục tiêu là 64.400 đ/cp (+16,0% so với giá hiện tại).

Phương pháp	Giá (đồng)	Tỷ trọng
FCFF	65.038	50%
P/E	63.690	50%
Giá trung bình (đồng/cổ phiếu)		64.364

Nguồn: ABS Research

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA NTP

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	5.176	5.657	6.751	7.561
Giá vốn hàng bán	(3.620)	(3.887)	(4.658)	(5.240)
Lợi nhuận gộp	1.556	1.770	2.093	2.321
Doanh thu tài chính	66	92	168	149
Chi phí tài chính	(159)	(139)	(168)	(166)
Chi phí bán hàng	(632)	(633)	(640)	(800)
Chi phí QLDN	(190)	(227)	(295)	(304)
Lợi nhuận từ HĐKD	655	885	1.201	1.227
Lãi/lỗ khác	4	3	(5)	2
Lợi nhuận trước thuế	659	888	1.196	1.229
Lợi nhuận sau thuế	559	736	993	1.020
LNST cổ đông Công ty mẹ	559	736	993	1.020

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HĐKD	1.133	1.984	914	503
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(557)	(1.586)	(327)	69
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(258)	(351)	(673)	(283)
LCT thuần trong kỳ	317	48	(87)	289
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	168	485	533	446
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	485	533	446	735

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,50	1,63	1,83	2,12
Khả năng thanh toán nhanh	0,99	1,26	1,30	1,53
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,61	1,10	1,11	1,31
Khả năng thanh toán lãi vay	8,32	19,15	15,89	19,17

Cơ cấu vốn	2023	2024	2025	2026F
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,57	0,60	0,65
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43	0,43	0,40	0,35
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,55	0,40	0,28	0,27

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2023	2024	2025	2026F
Số ngày phải thu	61,20	40,58	20,62	20,36
Số ngày phải trả	30,27	29,45	23,12	21,48
Số ngày tồn kho	135,82	101,60	95,84	101,27

Khả năng sinh lời	2023	2024	2025	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	30,1%	31,3%	31,0%	30,7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	13,3%	15,0%	16,6%	15,2%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	10,8%	13,0%	14,7%	13,5%
ROE	18,8%	21,7%	25,1%	22,5%
ROA	10,6%	12,4%	14,8%	14,1%
ROIC	13,6%	15,6%	20,1%	18,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	485	533	446	735
+ Đầu tư ngắn hạn	950	2.492	2.679	2.679
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	890	428	525	590
+ Hàng tồn kho	1.159	1.005	1.441	1.466
+ Tài sản ngắn hạn khác	18	15	51	57
Tài sản ngắn hạn	3.501	4.473	5.143	5.528
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	8	9
+ Tài sản cố định	1.329	1.265	1.237	1.174
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	47	11	41	41
+ Đầu tư dài hạn	442	520	514	514
+ Tài sản dài hạn khác	134	145	105	169
Tài sản dài hạn	1.953	1.942	1.905	1.907

Tổng Tài sản	2023	2024	2025	2026F
+ Vay ngắn hạn	1.703	1.482	1.165	1.310
+ Phải trả người bán	313	314	276	341
+ Nợ ngắn hạn khác	322	953	1.375	960
Nợ ngắn hạn	2.338	2.748	2.816	2.611
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	2.338	2.748	2.816	2.611
+ Vốn cổ phần	1.296	1.425	1.710	1.710
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	645	1.023	1.304	1.896
+ Quỹ khác	1.174	1.218	1.218	1.218
Vốn chủ sở hữu	3.115	3.666	4.232	4.824
Tổng cộng nguồn vốn	5.454	6.415	7.048	7.435

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	-9,0%	9,3%	19,3%	12,0%
Tăng trưởng LNNT	16,8%	34,8%	34,6%	2,8%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	16,7%	602,0%	-11,0%	3,0%
Tăng trưởng EPS	16,2%	19,8%	24,5%	2,8%
Tăng trưởng VCSH	10,1%	17,7%	15,4%	14,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	7,7%	17,6%	9,9%	5,5%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	17,71	15,04	14,73	9,29
P/B	2,87	2,73	3,46	1,96
EV/EBITDA	10,12	7,75	8,88	36,57
EV/Sales	1,78	1,49	1,88	6,96
EPS (đồng/cp)	3.891	4.661	5.805	5.965
BVPS (đồng/cp)	24.044	25.723	24.742	28.207

Nguồn: NTP, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tra hạo
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây